TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 517/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/11/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu Thủy.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 423/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh P, sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ 1, ấp Bình H, xã Bình T, huyện Châu P, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ 1, ấp Bình H, xã Bình T, huyện Châu P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2022, bản tự khai, nguyên đơn là ông Trần Thanh P trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, tính tình không hợp nhau, bất

đồng quan điểm sống. Ông và bà T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên ông P yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 người con chung tên Trần Dương P, sinh năm 1993 và Trần Thị N, sinh ngày 20/8/2004. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T thống nhất lời trình bày của ông P về điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên ông P yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông P có 02 người con chung tên Trần Dương P, sinh năm 1993 và Trần Thị N, sinh ngày 20/8/2004. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên toà.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Ông P và bà T chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Về con chung: Ông P và bà T cùng thống nhất có 02 người con chung tên Trần Dương P, sinh năm 1993 và Trần Thị N, sinh ngày 20/8/2004. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà T thống nhất khai không có nên không xem xét giải quyết.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 51, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà T là vợ chồng; Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Ông P và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Theo lời khai của ông P và bà T thì mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống là do không hòa hợp, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, từ đó đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T và bà T cũng đồng ý ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, ông P và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay không đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa ông P và bà T không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Ông P và bà T thống nhất có 02 người con chung tên Trần Dương P, sinh năm 1993 và Trần Thị N, sinh ngày 20/8/2004. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà T cùng thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Trần Thanh P và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003747 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.